

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0400101556

ngày 21 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0400101556 ngày 21 tháng 1 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Phổ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Trị	Thành viên
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Ông Đào Ngọc Phương	Thành viên
Bà Đoàn Thị Xuân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban (từ 27 tháng 4 năm 2013)
Ông Phan Hữu Phú	Trưởng ban (đến 27 tháng 4 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên (từ 27 tháng 4 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên (từ 27 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên (đến 27 tháng 4 năm 2013)

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trị	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Duy Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
	(từ 1 tháng 3 năm 2013)
	Giám đốc điều hành
	(đến 1 tháng 3 năm 2013)
Ông Bùi Đình Thành	Giám đốc điều hành
Bà Hoàng Thùy Oanh	Giám đốc điều hành
Bà Trần Tường Anh	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Giám đốc điều hành
	(từ 1 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Ban điều hành

(Signature)
Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, 22-03-2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban điều hành đối với báo cáo tài chính

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày việc một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm kết thúc cùng ngày đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-298-d



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		558.085.788.540	550.825.793.625
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.317.669.722	28.074.527.675
Tiền	111		15.302.669.722	8.173.433.455
Các khoản tương đương tiền	112		4.015.000.000	19.901.094.220
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	188.444.794.267	133.728.146.964
Phải thu khách hàng	131		180.148.344.867	126.808.365.864
Trả trước cho người bán	132		6.860.641.845	4.368.433.768
Các khoản phải thu khác	135		2.898.459.304	2.856.422.881
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.462.651.749)	(305.075.549)
Hàng tồn kho	140	7	324.581.117.855	362.392.620.936
Hàng tồn kho	141		324.587.369.445	362.398.872.526
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.251.590)	(6.251.590)
Tài sản ngắn hạn khác	150		25.742.206.696	26.630.498.050
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.581.945.987	1.681.869.233
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.548.032.241	21.367.048.371
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		300.325.988	157.877.994
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.311.902.480	3.423.702.452
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260 + 269)	200		416.837.075.624	425.504.556.705
Tài sản cố định	220		384.736.509.259	396.054.666.402
Tài sản cố định hữu hình	221	8	368.972.377.817	384.020.174.100
Nguyên giá	222		724.970.740.740	706.382.185.384
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(355.998.362.923)	(322.362.011.284)
Tài sản cố định vô hình	227	9	1.134.936.700	1.174.751.371
Nguyên giá	228		3.699.765.643	3.141.609.643
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.564.828.943)	(1.966.858.272)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	14.629.194.742	10.859.740.931
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	19.471.879.085	12.866.538.009
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.766.177.085	8.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		10.705.702.000	4.405.702.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(39.163.991)
Tài sản dài hạn khác	260		11.578.037.065	15.392.615.384
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	11.578.037.065	15.392.615.384
Lợi thế thương mại	269	13	1.050.650.215	1.190.736.910
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		974.922.864.164	976.330.350.330

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		717.917.286.041	734.610.791.392
Nợ ngắn hạn	310		562.975.802.163	570.912.172.258
Vay ngắn hạn	311	14	362.373.848.978	299.338.031.562
Phải trả người bán	312		92.310.780.717	160.206.775.506
Người mua trả tiền trước	313		7.080.672.545	11.317.302.672
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	5.297.933.177	6.705.177.968
Phải trả người lao động	315		68.939.000.502	59.353.919.192
Chi phí phải trả	316	16	12.527.105.095	9.634.474.926
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	11.100.119.065	20.720.623.759
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	3.346.342.084	3.635.866.673
Vay và nợ dài hạn	330		154.941.483.878	163.698.619.134
Vay dài hạn	334	19	154.941.483.878	163.698.619.134
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		238.766.151.252	225.864.956.532
Vốn chủ sở hữu	410	20	238.766.151.252	225.864.956.532
Vốn cổ phần	411	21	150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	33.456.594.220	25.690.869.377
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	10.104.631.290	5.538.018.129
Lợi nhuận chưa phân phối	420		45.204.925.742	44.636.069.026
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỎ	439	24	18.239.426.871	15.854.602.406
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		974.922.864.164	976.330.350.330

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ		
• USD	343.236	103.532
• EUR	358	371
Vật tư, hàng hóa nhận gia công (VND)	48.893.171.952	14.940.486.625

Người lập:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc



22-03-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu	01	25	2.454.786.890.739	1.978.139.526.827
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	494.317.003	1.464.907.771
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	2.454.292.573.736	1.976.674.619.056
Giá vốn hàng bán	11		2.217.252.331.489	1.774.650.544.500
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		237.040.242.247	202.024.074.556
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	9.403.163.626	5.016.079.896
Chi phí tài chính	22	27	33.984.239.975	27.498.719.305
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.736.976.211	24.268.351.065
Chi phí bán hàng	24		70.805.078.175	63.425.390.370
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		86.101.529.091	64.359.683.734
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		55.552.558.632	51.756.361.043
Thu nhập khác	31	28	2.713.483.433	7.421.341.480
Chi phí khác	32		1.754.740.684	1.139.197.845
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		958.742.749	6.282.143.635
Lỗ được chia từ công ty liên kết	45	11	(3.433.822.915)	-
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		53.077.478.466	58.038.504.678
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.737.776.508	5.563.276.680
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		48.339.701.958	52.475.227.998
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	24	2.258.402.137	5.385.433.922
Chủ sở hữu của Công ty	62		46.081.299.821	47.089.794.076
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.072	3.139

Người lập:

(Chữ ký)

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:

(Chữ ký)

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2013 VND	2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	53.077.478.466	58.038.504.678
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	76.503.819.823	60.882.896.978
Các khoản dự phòng	03	1.118.412.209	(4.253.082.916)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	271.003.566	(360.816.236)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	2.290.660.925	(928.260.500)
Chi phí lãi vay	06	22.736.976.211	24.268.351.065
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	155.998.351.200	137.647.593.069
Biến động các khoản phải thu	09	(51.724.336.270)	(56.390.902.371)
Biến động hàng tồn kho	10	37.811.503.081	(108.006.059.802)
Biến động các khoản phải trả và phải trả khác	11	(70.023.341.265)	101.619.088.870
Biến động chi phí trả trước	12	12.644.430.443	1.424.399.122
		84.706.607.189	76.294.118.888
Tiền lãi vay đã trả	13	(22.926.229.470)	(23.367.325.659)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(4.794.742.212)	(3.464.005.393)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	766.465.116
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.551.405.362)	(4.839.793.822)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.434.230.145	45.389.459.130
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(76.832.984.794)	(134.012.830.366)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	467.676.112	870.009.965
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(10.000.000.000)	(9.100.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	732.965.809	814.049.485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(85.632.342.873)	(141.428.770.916)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2013 VND	2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số của các công ty con	32	1.877.500.000	3.648.200.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.773.576.964.690	1.474.743.534.781
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.720.109.857.146)	(1.364.042.624.901)
Tiền trả cổ tức	36	(30.000.000.000)	(23.009.485.282)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của các công ty con	37	(907.700.000)	(3.160.194.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.436.907.544	88.179.430.098
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(8.761.205.184)	(7.859.881.688)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	28.074.527.675	35.855.115.262
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	4.347.231	79.294.101
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	19.317.669.722	28.074.527.675

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

22-03-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con dưới đây và các lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

Các công ty con của Tổng Công ty gồm:

Công ty con	Hoạt động chính	31/12/2013	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, gia dầy; bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da	76,88%	76,88%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may	32,14%	54,00%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may	54,18%	54,18%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may	53,46%	53,46%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty và các công ty con có 7.440 nhân viên (31/12/2012: 6.980 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp, dựa trên các ước tính hợp lý nhất của Ban điều hành đối với nghĩa vụ này.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo Thông tư 180, khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu nguồn trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (Tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp sẽ hạch toán tăng thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không được chuyển số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm sang năm sau sử dụng. Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Thông tư 180 cũng áp dụng cho dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo đó, Tổng Công ty và các công ty con đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc. Sự thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty và các công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Tổng Công ty và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(q) Thu nhập từ hoạt động tài chính

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(v) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết, cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty và các công ty con, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty và các công ty con, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này.

4. Điều chỉnh số liệu năm trước

Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào ngày 2 tháng 4 năm 2013, Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán tại Tổng Công ty và phát hành báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 12 năm 2013. Để thống nhất số liệu với báo cáo của Kiểm toán Nhà nước, Tổng Công ty quyết định thực hiện hồi tố các điều chỉnh trong báo cáo của Kiểm toán Nhà nước vào báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2012 VND (Theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	31/12/2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Dự phòng phải thu khó đòi	-	305.075.549	305.075.549
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	440.800.000	(434.548.410)	6.251.590
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	21.303.309.286	63.739.085	21.367.048.371
Xây dựng cơ bản dở dang	10.145.606.714	714.134.217	10.859.740.931
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	900.951.051	(861.787.060)	39.163.991
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.712.349.747	992.828.221	6.705.177.968
Chi phí phải trả	10.041.784.768	(407.309.842)	9.634.474.926
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.907.477.455	(1.186.853.696)	20.720.623.759
Lợi nhuận chưa phân phối	42.265.600.486	2.370.468.540	44.636.069.026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2012 VND (Theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Giá vốn hàng bán	1.775.085.092.910	(434.548.410)	1.774.650.544.500
Chi phí tài chính	28.360.506.365	(861.787.060)	27.498.719.305
Chi phí bán hàng	63.832.700.212	(407.309.842)	63.425.390.370
Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.054.608.185	305.075.549	64.359.683.734
Thu nhập khác	6.234.487.784	1.186.853.696	7.421.341.480
Lợi nhuận trước thuế	55.453.081.219	2.585.423.459	58.038.504.678
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.348.321.761	214.954.919	5.563.276.680
Lợi nhuận sau thuế TNDN	50.104.759.458	2.370.468.540	52.475.227.998

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	243.757.149	252.908.585
Tiền gửi ngân hàng	15.058.912.573	7.920.524.870
Các khoản tương đương tiền	4.015.000.000	19.901.094.220
	19.317.669.722	28.074.527.675

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 115.360 triệu VND (31/12/2012: 126.808 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng trong nước của Tổng Công ty và các công ty con.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Hàng mua đang đi trên đường	29.660.759.414	33.252.189.527
Nguyên vật liệu	88.721.070.740	120.239.771.470
Công cụ và dụng cụ	271.478.641	156.683.261
Sản phẩm dở dang	131.444.582.172	131.728.278.618
Thành phẩm	65.564.412.489	64.408.116.303
Hàng hóa	655.153.437	1.432.717.571
Hàng gửi đi bán	8.269.912.552	11.181.115.776
	324.587.369.445	362.398.872.526
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.251.590)	(6.251.590)
	324.581.117.855	362.392.620.936

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 304.773 triệu VND (31/12/2012: 270.140 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng trong nước của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	140.172.986.523	504.043.052.952	23.044.411.447	8.495.204.932	30.626.529.530	706.382.185.384
Tăng trong năm	1.261.704.990	41.348.222.410	3.138.591.284	1.089.182.002	2.072.924.782	48.910.625.468
Chuyển từ xây dựng cơ bản đỡ đang (Thuyết minh 10)	10.818.706.122	6.925.123.384	1.456.210.001	284.747.273	2.723.417.229	22.208.204.009
Thanh lý	-	-	-	(143.648.049)	-	(143.648.049)
Xóa sổ	(252.849.165)	(24.992.384.418)	(36.751.818)	(1.586.301.299)	(1.570.036.960)	(28.458.323.660)
Phân loại lại	37.800.000	(374.331.580)	-	-	336.551.580	-
Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(33.388.934)	(282.485.803)	-	(147.398.457)	(61.045.022)	(524.318.216)
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(615.297.489)	(17.713.304.349)	(55.459.067)	(2.126.382.554)	(2.913.540.737)	(23.423.984.196)
Số dư cuối năm	151.389.662.047	508.953.892.596	27.547.001.847	5.865.403.848	31.214.780.402	724.970.740.740
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	49.628.041.573	240.219.703.401	11.498.246.959	6.197.776.722	14.818.242.629	322.362.011.284
Khấu hao trong năm	7.885.628.868	59.892.750.129	2.672.686.368	849.971.272	4.402.864.805	75.703.901.442
Thanh lý	-	-	-	(143.648.049)	-	(143.648.049)
Xóa sổ	(196.490.447)	(24.992.384.417)	(36.751.818)	(1.585.180.087)	(1.570.036.960)	(28.380.843.729)
Phân loại lại	3.180.813	(185.412.152)	-	-	182.231.339	-
Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(21.346.356)	(254.979.292)	-	(134.156.441)	(45.057.040)	(455.539.129)
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(360.898.516)	(9.961.132.190)	(15.418.509)	(874.285.371)	(1.875.784.310)	(13.087.518.896)
Số dư cuối năm	56.938.115.935	264.718.545.479	14.118.763.000	4.310.478.046	15.912.460.463	355.998.362.923
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	90.544.944.950	263.823.349.551	11.546.164.488	2.297.428.210	15.808.286.901	384.020.174.100
Số dư cuối năm	94.451.546.112	244.235.347.117	13.428.238.847	1.554.925.802	15.302.319.939	368.972.377.817

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 130.043 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 122.531 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 345.740 triệu VND (31/12/2012: 310.512 triệu VND) được dùng để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng trong nước của Tổng Công ty và các công ty con.

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.141.609.643
Tăng trong năm	837.883.000
Xóa sổ	(18.000.000)
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(261.727.000)
	3.699.765.643
Số dư cuối năm	
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.966.858.272
Khấu hao trong năm	659.831.686
Xóa sổ	(18.000.000)
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(43.861.015)
	2.564.828.943
Số dư cuối năm	
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.174.751.371
Số dư cuối năm	1.134.936.700

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12).

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.365 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31/12/2012: 1.287 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Số dư đầu năm	10.859.740.931	19.754.186.349
Tăng trong năm	27.084.476.326	108.274.084.396
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8)	(22.208.204.009)	(115.311.757.350)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12)	(1.106.818.506)	(1.856.772.464)
Số dư cuối năm	<u>14.629.194.742</u>	<u>10.859.740.931</u>

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu phản ánh các máy móc, thiết bị chưa lắp đặt xong.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		31/12/2012 (Đã điều chỉnh lại)	
	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu % quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu % quyền biểu quyết
Đầu tư vốn dài hạn tại:				
▪ Công ty liên kết				
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	850.000	27,23%	850.000	27,23%
• Công ty Cổ phần VTD Hiệp Đức	370.000	37%	-	-
				VND
				<u>8.766.177.085</u>
▪ Công ty khác				
• Công ty Cổ phần Bông vải miền Trung	85.570	9,37%	85.570	9,37%
• Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quang Đà	60.000	10,91%	60.000	10,91%
• Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An	160.000	16%	160.000	16%
• Công ty Thương mại Chơn	135.000	7,86%	135.000	7,86%
• Công ty Cổ phần Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	630.000	14%	-	-
				VND
				<u>10.705.702.000</u>
				<u>19.471.879.085</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(39.163.991)
				<u>12.866.538.009</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	8.500.000.000	-
Tăng trong năm	3.700.000.000	8.500.000.000
Lỗ từ công ty liên kết	(3.433.822.915)	-
	8.766.177.085	8.500.000.000

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2013 VND	2012 VND (Điều chỉnh lại)
Số dư đầu năm	39.163.991	955.028.875
Hoàn nhập trong năm	(39.163.991)	(915.864.884)
	-	39.163.991

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ dụng cụ VND	Chi phí đào tạo VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.754.697.226	5.954.414.178	3.683.503.980	15.392.615.384
Tăng trong năm	5.144.232.932	-	1.190.454.365	6.334.687.297
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	1.106.818.506	-	-	1.106.818.506
Xóa sổ	-	-	(931.678.151)	(931.678.151)
Phân loại từ tài sản cố định (*)	9.134.054.251	-	1.420.277.034	10.554.331.285
Phân loại lại	1.104.173.333	(46.788.826)	(1.057.384.507)	-
Phân bổ trong năm	(12.436.136.632)	(4.686.715.820)	(3.755.884.804)	(20.878.737.256)
	9.807.839.616	1.220.909.532	549.287.917	11.578.037.065

(*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong năm (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Lợi thế thương mại

	2013
	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.400.866.953
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	210.130.043
Phân bổ trong năm	140.086.695
Số dư cuối năm	350.216.738
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	1.190.736.910
Số dư cuối năm	1.050.650.215

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	325.637.759.996	259.597.800.367
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	36.736.088.982	39.740.231.195
	<u>362.373.848.978</u>	<u>299.338.031.562</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển				
Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (i)	USD	2% - 3%	56.221.436.179	29.532.654.416
Ngân hàng IISBC (i)	USD	2,5% - 3%	51.171.798.361	56.599.061.457
Ngân hàng ANZ (i)	USD	2,5% - 3%	47.112.492.285	66.163.631.181
Ngân hàng TMCP Ngoại thương (ii)	USD	2,5% - 3%	43.499.615.915	28.349.569.989
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng (i)				
Ngân hàng TMCP Công thương (i)	USD	2,8% - 3,5%	43.047.260.341	53.493.652.041
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	USD	2,65% - 3%	33.985.281.510	13.956.454.378
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (i)	USD	2,5% - 3%	17.984.724.422	2.070.719.912
Ngân hàng Indovina (i)	USD	2,8% - 3,5%	15.996.411.382	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	USD	2,8% - 3,5%	15.628.606.154	8.303.527.502
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	VND	9%	886.357.447	-
Vay từ ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8%	103.776.000	91.000.000
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng (ii)				
	VND	14,8% - 17,6%	-	1.037.529.491
			325.637.759.996	259.597.800.367

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 6), hàng tồn kho (Thuyết minh 7) và tài sản cố định (Thuyết minh 8).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Thuế giá trị gia tăng	2.473.709.003	3.286.377.269
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.538.337.857	2.595.303.561
Thuế thu nhập cá nhân	280.669.355	45.581.836
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	777.873.302
Các loại thuế khác	5.216.962	42.000
	5.297.933.177	6.705.177.968

16. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí hoạt động	9.677.932.814	6.753.576.605
Chi phí lãi vay	723.177.416	912.430.675
Chi phí khác	2.125.994.865	1.968.467.646
	12.527.105.095	9.634.474.926

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Kinh phí công đoàn	4.499.478.774	4.927.376.561
Bảo hiểm xã hội	294.652.557	117.916.103
Bảo hiểm y tế	13.037.199	964.059
Phải trả tiền tạm ứng mua cổ phiếu	-	11.493.048.000
Các khoản phải trả khác	6.292.950.535	4.181.319.036
	11.100.119.065	20.720.623.759

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.635.866.673	1.014.338.266
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	4.023.482.773	6.371.005.239
Tăng khác	238.398.000	236.144.630
Sử dụng quỹ trong năm	(4.551.405.362)	(3.985.621.462)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.346.342.084	3.635.866.673
	<hr/>	<hr/>

19. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	184.048.439.860	194.284.717.329
Nợ dài hạn khác (*)	7.629.133.000	9.154.133.000
	<hr/>	<hr/>
	191.677.572.860	203.438.850.329
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(36.736.088.982)	(39.740.231.195)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	154.941.483.878	163.698.619.134
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay 1	VND	7,8% - 8,4%	2019	55.547.635.988	65.075.635.988
Khoản vay 2	USD	7,5%	2018	33.585.586.128	53.556.878.436
Khoản vay 3	USD	5,5% - 6,25%	2018	28.622.139.744	34.556.195.847
Khoản vay 4	USD	5,8%	2020	19.244.404.368	-
Khoản vay 5	USD	3%	2017	11.800.320.000	14.570.500.000
Khoản vay 6	USD	7,5%	2018	7.519.458.912	11.722.300.290
Khoản vay 7	VND	10,6%	2016	7.149.999.000	-
Khoản vay 8	VND	0%	2014	5.258.386.000	9.768.386.000
Khoản vay 9	USD	5,2%	2016	4.147.745.892	-
Khoản vay 10	USD	5,2%	2016	3.399.299.218	-
Khoản vay 11	VND	11%	2018	2.498.087.800	-
Khoản vay 12	VND	11%	2018	2.420.205.098	-
Khoản vay 11	USD	5,8%	2015	1.737.386.400	2.746.539.250
Khoản vay 12	USD	5,8%	2016	731.619.840	-
Khoản vay 13	USD	6,4%	2014	281.732.640	556.551.470
Khoản vay 14	USD	6%	2014	79.504.656	1.021.194.308
Khoản vay 15	USD	6%	2014	24.928.176	320.113.885
Khoản vay 16	VND	12,5%	2013	-	240.200.000
Khoản vay 17	USD	5,2%	2013	-	150.221.855
				184.048.439.860	194.284.717.329

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng một số tài sản cố định (Thuyết minh 8).

(*) Nợ dài hạn khác thể hiện khoản nợ dài hạn đối với Ban Quản lý cơ sở hạ tầng tỉnh Quảng Trị. Khoản nợ dài hạn này không phải chịu lãi, không được đảm bảo và được hoàn trả định kỳ mỗi năm hai lần, mỗi lần 762,5 triệu VND cho đến hết năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	150.000.000.000	13.552.488.247	3.226.232.333	40.533.158.577	207.311.879.157
<i>Lợi nhuận thuần trong năm - đã báo cáo trước đây</i>	-	-	-	44.719.325.536	44.719.325.536
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)</i>	-	-	-	2.370.468.540	2.370.468.540
Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại	-	-	-	47.089.794.076	47.089.794.076
Phân bổ vào các quỹ	-	12.138.381.130	2.311.785.796	(14.450.166.926)	-
Cổ tức	-	-	-	(22.997.000.000)	(22.997.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(5.539.716.701)	(5.539.716.701)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 – đã điều chỉnh lại	150.000.000.000	25.690.869.377	5.538.018.129	44.636.069.026	225.864.956.532
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 - đã báo cáo trước đây</i>	150.000.000.000	25.690.869.377	5.538.018.129	42.265.600.486	223.494.487.992
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)</i>	-	-	-	2.370.468.540	2.370.468.540
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	46.081.299.821	46.081.299.821
Phân bổ vào các quỹ	-	7.765.724.843	4.566.613.161	(12.332.338.004)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(3.180.105.101)	(3.180.105.101)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	150.000.000.000	33.456.594.220	10.104.631.290	45.204.925.742	238.766.151.252

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2013 và 31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập đến khi quỹ dự phòng bằng 25% vốn cổ phần của Tổng công ty.

23. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty vào ngày 27 tháng 4 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 30.000 triệu VND (20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	15.854.602.406	10.399.497.022
Vốn góp	1.877.500.000	3.648.200.000
Lợi nhuận thuần trong năm	2.258.402.137	5.385.433.922
Cổ tức	(907.700.000)	(2.747.240.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	(843.377.672)	(831.288.538)
	<hr/> 18.239.426.871	<hr/> 15.854.602.406

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	2.454.786.890.739	1.978.139.526.827
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(494.317.003)	(144.635.854)
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(1.320.271.917)
Doanh thu thuần	<hr/> 2.454.292.573.736	<hr/> 1.976.674.619.056

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	492.965.809	474.049.485
Cổ tức được chia	240.000.000	340.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.635.847.897	3.666.562.349
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	491.920.820
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.349.920	43.547.242
	<hr/> 9.403.163.626	<hr/> 5.016.079.896

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí lãi vay	22.736.976.211	24.268.351.065
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(39.163.991)	(915.864.884)
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.013.461.623	3.998.096.942
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	271.003.566	131.104.584
Chi phí tài chính khác	1.962.566	17.031.598
	<hr/> 33.984.239.975	<hr/> 27.498.719.305

28. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	467.676.112	870.009.965
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	3.612.094.366
Các khoản mục khác	2.245.807.321	2.939.237.149
	<hr/> 2.713.483.433	<hr/> 7.421.341.480

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VND	2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.555.217.834	5.392.470.586
Dự phòng thiếu trong những năm trước	182.558.674	170.806.094
	<hr/> 4.737.776.508	<hr/> 5.563.276.680

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	53.077.478.466	58.038.504.678
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	5.307.747.847	5.803.850.468
Ưu đãi thuế	(2.410.837.058)	(2.030.832.828)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	576.255.051	1.474.595.261
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	406.669.495	1.149.373.170
Chi phí không được khấu trừ thuế	480.389.255	297.252.574
Thu nhập không bị tính thuế	(24.000.000)	(34.000.000)
Giảm thuế	(113.390.000)	(1.379.537.835)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	332.383.244	111.769.776
Dự phòng thiếu trong những năm trước	182.558.674	170.806.094
	4.737.776.508	5.563.276.680

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất trong khoảng từ 10% đến 25% trên lợi nhuận tính thuế.

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm 2007 và 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

(ii) Đối với các công ty con

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

(iii) Sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 46.081.299.821 VND (2012: 47.089.794.076 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 15.000.000 cổ phiếu (2012: 15.000.000).

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty và các công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Tổng Công ty và các công ty con chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty con và các công ty con. Tổng Công ty con và các công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty và các công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	19.073.912.573	27.821.619.090
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	181.584.152.422	129.664.788.745
		200.658.064.995	157.486.407.835

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty và các công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban điều hành của Tổng Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty và các công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban điều hành. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tổng Công ty và các công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	20.082.671.891
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	409.325.398	5.006.558.473
	409.325.398	25.089.230.364

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2013 VND	2012 VND (Đã điều chỉnh lại)
Số dư đầu năm	305.075.549	-
Tăng dự phòng trong năm	1.157.576.200	305.075.549
	<hr/> 1.462.651.749 <hr/>	<hr/> 305.075.549 <hr/>

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty và các công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty và các công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty và các công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
31/12/2013						
Phải trả người bán và phải trả khác	111.130.836.347	111.130.836.347	111.130.836.347	-	-	-
Vay ngắn hạn	325.637.759.996	328.873.879.484	328.873.879.484	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	191.677.572.860	226.662.800.651	45.489.151.130	56.227.270.952	112.784.938.217	12.161.440.352
	628.446.169.203	666.667.516.482	485.493.866.961	56.227.270.952	112.784.938.217	12.161.440.352
31/12/2012						
Phải trả người bán và phải trả khác	185.515.617.468	185.515.617.468	185.515.617.468	-	-	-
Vay ngắn hạn	259.597.800.367	261.012.713.012	261.012.713.012	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	203.438.850.329	224.938.796.113	52.701.206.249	43.874.170.478	100.777.694.566	27.585.724.820
	648.552.268.164	671.467.126.593	499.229.536.729	43.874.170.478	100.777.694.566	27.585.724.820

Tổng Công ty và các công ty con quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”) và Euro (“EUR”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.236	358	103.535	371
Phải thu khách hàng	7.951.294	-	5.482.384	-
Tài sản ngắn hạn khác	22.539	-	43.961	3.893
Phải trả người bán	(2.665.838)	-	(5.340.116)	(13.520)
Vay ngắn hạn	(15.406.588)	-	(12.417.452)	-
Vay dài hạn	(5.275.917)	-	(5.726.663)	-
	(15.031.274)	358	(17.854.351)	(9.256)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
1 USD	21.072	20.815
1 EUR	29.004	27.423

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty và các công ty con sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	(9.027.061.663)
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	493.213
31/12/2012	
USD (mạnh thêm 3% so với VND)	(10.591.692.008)
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	(12.056.796)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 166.990 triệu VND (31/12/2012: 99.632 triệu VND) vay dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty và các công ty con không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty và các công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Vay ngắn hạn	103.776.000	229.027.616.460
Vay dài hạn	17.058.706.000	94.652.885.494
	<u>17.162.482.000</u>	<u>323.680.501.954</u>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay ngắn hạn	325.533.983.996	30.570.183.907
Vay dài hạn	166.989.733.860	99.631.831.835
	<u>492.523.717.856</u>	<u>130.202.015.742</u>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 4.678 triệu VND (2012: 1.236 triệu VND) lợi nhuận thuần hợp nhất. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.317.669.722	19.317.669.722	28.074.527.675	28.074.527.675
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	181.584.152.422	181.584.152.422	129.664.788.745	129.664.788.745
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(111.130.836.347)	(111.130.836.347)	(185.515.617.468)	(185.515.617.468)
- Vay ngắn hạn	(325.637.759.996)	(325.637.759.996)	(259.597.800.367)	(259.597.800.367)
- Vay dài hạn	(191.677.572.860)	(*)	(203.438.850.329)	(*)
	(427.544.347.059)		(490.812.951.744)	

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các khoản tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác và vay ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của những khoản này.

- (*) Liên quan đến giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý để thuyết minh thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức đã trả	21.484.964.000	16.469.657.237
Nhận tạm ứng mua cổ phiếu	-	11.000.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành		
Lương	6.101.866.935	5.500.101.731
Thưởng	1.087.669.906	646.583.646

33. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	102.600.000.000	84.750.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	28.500.000.000	5.800.000.000
	131.100.000.000	90.550.000.000

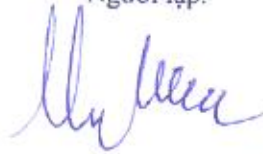
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.397.097.415.234	1.181.121.085.177
Chi phí nhân công	495.388.153.603	360.459.045.161
Chi phí khấu hao	76.363.733.128	60.742.810.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	356.827.923.632	294.394.343.242

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

22-03-2014